

Số: **66/2021/QĐST-DS**

Hải Châu, ngày 11 tháng 11 năm 2021

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ
TẠI PHIÊN TÒA**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN HẢI CHÂU – THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Hồ Thị Mỹ Dung

- *Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Ông Lê Truyền Bình
2. Ông Huỳnh Tiến

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Phan Đình Vui - Cán bộ Tòa án nhân dân quận Hải Châu thành phố Đà Nẵng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Hải Châu tham gia phiên tòa: Bà Hà Thị Thu Hiếu - Chức vụ: Kiểm sát viên.

Căn cứ vào các điều 212, 213, 235 và 246 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 171/2019/TLST-DS ngày 07 tháng 10 năm 2019.

XÉT THẤY

Tại phiên tòa các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án và thỏa thuận của các đương sự là tự nguyện, không vi phạm điều cấm của pháp luật và không trái đạo đức xã hội.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Mai T – Sinh năm 1982 – Trú tại : 518/4 T, phường 5, thành phố V, tỉnh B.

- *Bị đơn:* Bà Nguyễn Thị N - Sinh năm: 1957- Địa chỉ : K140/3 T, phường T, quận H, thành phố Đà Nẵng.

Ông Nguyễn N – Sinh năm: 1960 – Địa chỉ: K140/3 T, phường T, quận H, thành phố Đà Nẵng. Người đại diện theo ủy quyền của ông Nguyễn N có bà Hoàng Thị Ngọc T – Sinh năm 1967 – Trú tại: K140/3 T, phường T, quận H, thành phố Đà Nẵng tham gia tố tụng theo văn bản ủy quyền ngày 24/10/2019.

Bà Nguyễn Thị N1 – Sinh năm: 1961 – Địa chỉ: K140/3 T, phường T, quận H, thành phố Đà Nẵng.

Bà Nguyễn Thị Kim H – Sinh năm: 1963 – Địa chỉ: K140/3 T, phường T, quận H, thành phố Đà Nẵng. Người đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Thị Kim H có ông Trần Ngọc T – Sinh năm 1962 – Trú tại: Tổ 46, phường T, quận T, thành phố Đà Nẵng tham gia tố tụng theo văn bản ủy quyền ngày 29/10/2019.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Bà Mai Thị Đ – Sinh năm 1959, ông Nguyễn Hoàng H. Sinh năm: 1985 – Cùng địa chỉ : 518/4 T, phường 5, thành phố V, tỉnh B. Người đại diện theo ủy quyền của bà Mai Thị Đ và ông Nguyễn Hoàng H có ông Cao Nam Hải – Sinh năm 1985 – Trú tại: 518/4 T, phường 5, thành phố V, tỉnh B tham gia tố tụng theo văn bản ủy quyền ngày 11/11/2019.

Ông Phạm H – Sinh năm 1963 - Trú tại : K140/3 T, phường T, quận H, thành phố Đà Nẵng.

Bà Hoàng Thị Ngọc T – Sinh năm 1967 – Trú tại: K140/3 T, phường T, quận H, thành phố Đà Nẵng.

(Tất cả các đương sự đều có mặt tại phiên tòa)

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Giao cho ông Nguyễn N được sở hữu, quản lý, sử dụng nhà đất tại K140/3 đường Thanh Long, phường Thanh Bình, quận Hải Châu, TP Đà Nẵng có diện tích đất 174,90m² (theo Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 3401040309 do Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng cấp ngày 23.4.2001), diện tích đất thực tế 173,6m² theo kết quả đo đạc của Trung tâm kỹ thuật tài nguyên và Môi trường, TP Đà Nẵng ngày 07/4/2021(có sơ đồ kèm theo), diện tích xây dựng 78.8m², diện tích sử dụng: 140.2m² thuộc thửa đất 19, tờ bản đồ số 7, phường Thanh Bình có tứ cận: Phía Bắc giáp nhà bà P, phía Nam giáp đường kiệt và nhà ông T, phía Đông giáp nhà ông N, phía Tây giáp nhà ông N. Trị giá nhà đất do các đương sự tự thỏa thuận là 5.000.000.000đ. Phần tài sản chung ông Nguyễn N được chia là 1.000.000.000đ(Một tỷ đồng y).

Ông Nguyễn N phải có nghĩa vụ bồi đắp thanh toán chia tài sản chung cho bà Nguyễn Mai T số tiền 333.333.000đ.

Ông Nguyễn N phải có nghĩa vụ thôi trả thanh toán cho bà Nguyễn Thị N số tiền 1.000.000.000đ

Ông Nguyễn N phải có nghĩa vụ thôi trả thanh toán cho bà Nguyễn Thị N1 số tiền 1.000.000.000đ

Ông Nguyễn N phải có nghĩa vụ thôi trả thanh toán cho bà Nguyễn Thị Kim H số tiền 1.000.000.000đ.

Ông Nguyễn N phải có nghĩa vụ thôi trả thanh toán chia tài sản chung cho bà Mai Thị Đ số tiền 333.333.000đ.

Ông Nguyễn N phải có nghĩa vụ thôi trả thanh toán chia tài sản chung cho ông Nguyễn Hoàng H số tiền 333.333.000đ.

Thời gian thực hiện nghĩa vụ thôi trả thanh toán của ông Nguyễn N cho bà Nguyễn Mai T, bà Nguyễn Thị N, bà Nguyễn Thị N1, bà Nguyễn Thị Kim Hoa, bà Mai Thị Đ, ông Nguyễn Hoàng H chậm nhất đến hết ngày 15/5/2022.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự 2015.

Ông Nguyễn N có quyền liên hệ với cơ quan có thẩm quyền về quản lý đất đai chỉnh lý biến động theo quy định của pháp luật.

2. Về chi phí định giá tài sản: Bà Nguyễn Mai T tự nguyện chịu chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, chi phí trưng cầu đo đạc, chi phí định giá tài sản tranh chấp theo giá thị trường(đã nộp và chi xong).

3. Án phí dân sự sơ thẩm: Ông Nguyễn N, bà Nguyễn Thị N1, bà Nguyễn Thị N, bà Nguyễn Thị Kim H mỗi người phải chịu 42.000.000đ (Bốn mươi hai triệu đồng y) nhưng ông Nguyễn N, bà Nguyễn Thị N là người cao tuổi và có đơn xin miễn nộp tiền án phí DSST và được Tòa án chấp nhận nên ông Nguyễn N, bà Nguyễn Thị N được miễn nộp tiền án phí.

Bà Nguyễn Mai T, bà Mai Thị Đ, ông Nguyễn Hoàng H mỗi người phải chịu 16.666.650đ(Mười sáu triệu sáu trăm sáu mươi sáu ngàn sáu trăm năm mươi đồng) nhưng bà Mai Thị Đ là người cao tuổi và có đơn xin miễn nộp tiền án phí DSST và được Tòa án chấp nhận nên bà Mai Thị Đ được miễn nộp tiền án phí. Bà Nguyễn

Mai T đã nộp tạm ứng án phí số tiền 21.000.000đ theo biên lai thu số 0008536 ngày 03/10/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Hải Châu, TP Đà Nẵng. Hoàn lại cho bà Nguyễn Mai T số tiền: 4.333.350đ theo biên lai thu số 0008536 ngày 03/10/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Hải Châu, TP Đà Nẵng.

4. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- *Đương sự;*
- *VKSND quận Hải Châu;*
- *Chi cục THADS quận Hải Châu*
- *Lưu hồ sơ.*

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
(Đã ký)

Hồ Thị Mỹ Dung

